

Bản án số: 20 / 2025/ HS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chát và ông Trần Văn Nghi.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18 /2025/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2025/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

- **Trần Văn C**, sinh năm 1985, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm A, xã P, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 15/01/2021 bị Công an xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPVPHC bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. C đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/8/2025 đến ngày 14/8/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh N cho đến nay; bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Văn T, sinh năm 1996; trú tại: xóm A, xã P, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người chứng kiến: Anh Đỗ Văn T1, anh Ninh Thành H1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C là người nghiện ma túy. Khoảng 8 giờ ngày 8/8/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên C điều khiển xe mô tô từ nhà đến khu vực nghĩa trang X, xã Q, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy. Đến nơi C gặp 01 người đàn ông không quen biết, khoảng 30 tuổi, đeo khẩu trang (không xác định được tên tuổi, địa chỉ) đang đứng một mình. Lúc này C hỏi “Chú có biết ở đâu bán hàng không, anh mua ít chơi” (ý hỏi chỗ bán ma túy, loại Heroine) thì người này đồng ý bán. C nói “Để anh bốn trăm” rồi đưa số tiền 400.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) và nhận lại từ người đàn ông 02 gói ma túy, đều gói ngoài bằng giấy trắng, có chữ in màu đen. Sau đó C cho 02 gói ma túy vào ví da màu nâu, để ở túi quần bên trái phía trước rồi điều khiển xe mô tô đi tìm nơi sử dụng. Khoảng 9 giờ 35 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực đường trục thuộc xóm G, xã Q, tỉnh Ninh Bình, C dừng xe, cầm 02 gói ma túy ở tay trái định mở ra xem thì bị Công an tỉnh N kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của C 02 gói ma túy đều gói ngoài bằng giấy trắng, có chữ in màu đen, cùng kích thước (2x1)cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng mang BKS: 35K1 - 460.49; 01 ví da màu nâu, kích thước (12x9,5)cm; 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn C. Kiểm tra 02 gói nhỏ thu giữ của C bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định khối lượng gói thứ nhất 0,0625 gam, gói thứ hai là 0,0828 gam. Tổng khối lượng chất bột dạng cục màu trắng của 02 gói là 0,1453 gam ký hiệu M gửi trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 424/KL-KTHS ngày 13/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng là 0,1453 gam, là ma túy, loại Heroine (H). Heroine (H2) có tên khoa học là D, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và là chất ma túy được quy định tại Danh mục IA, số thứ tự 9, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ. H3 lại đối tượng giám định gồm: Mẫu ký hiệu M còn lại có khối lượng 0,1186 gam, là ma túy, loại Heroine (H).*”

Xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô BKS: 35K1 - 460.49 thuộc sở hữu của anh Trần Văn T, sinh năm 1996, trú tại xóm A, xã P, tỉnh Ninh Bình (là em trai C). Anh T không biết việc C mượn xe để đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe trên cho anh T. Anh T đã nhận lại xe mô tô và không có ý kiến gì khác.

Vật chứng còn lại gồm: 01 phong bì niêm phong ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ Trần Văn C, SN 1985 xảy ra ngày 08/8/2025 tại xã Q, tỉnh Ninh Bình” bên trong có chứa 0,1186 gam Heroine còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong gửi trưng cầu giám định; 01 phong bì niêm phong ký hiệu “B” bên trong có 02 mảnh giấy màu trắng có chữ in màu đen và 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 ví da màu nâu; 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn C chuyển đến Phòng thi hành án khu vực 4, tỉnh Ninh Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra, Trần Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 19/CT-VKS-KV4 ngày 08/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi bổ sung năm 2025): xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 39 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, ngày 08 tháng 8 năm 2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số: 424/KL-KTHS; trên mặt phong bì có ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ: Trần Văn C, SN 1985, xảy ra ngày 08/8/2025, tại xã Q, tỉnh Ninh Bình”. Mẫu vật hoàn trả gồm: M = 0,1186 gam là ma túy, loại Heroine (H); toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong”; 01 phong bì niêm phong ký hiệu “B”, bên trong phong bì gồm có: 01 (một) vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “QT”; 02 (hai) mảnh giấy màu trắng có chữ in màu đen”; 01 (một) ví da hình chữ nhật, màu nâu, kích thước (12x19,5)cm, là vật chứng của vụ án.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 01 căn cước công dân số 037085007898 mang tên Trần Văn C do Cục C3 về TTXH, Bộ C4 cấp ngày 25/4/2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, song lời khai có trong hồ sơ xác định lời khai của bị cáo là đúng và không có yêu cầu đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Nói lời sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, biên bản phạm tội quả tang; lời khai của người

tham gia tố tụng; kết luận giám định chất ma túy thu giữ của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào hồi 9 giờ 35 phút, ngày 08/8/2025, tại khu vực đường trục thuộc xóm G, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Trần Văn C có hành vi cất giữ trái phép trong người 0,1453 gam Heroine, nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an tỉnh N phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng đối với C.

Theo Điều 249. Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy tùy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

....

c) Heroine, C1, M, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Như vậy về hành vi và khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý Nhà nước về chất ma túy và gây dư luận xấu trên địa bàn, ngoài ra ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo có 01 quyết định xử lý hành chính đã được xóa.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: về nhân thân bị cáo đã bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng ma túy và là người nghiện ma túy nên biết rõ về sự tác hại của ma túy, nhưng bị cáo chưa từ bỏ được, để có ma túy sử dụng nên chủ động đi tìm để mua, cất giấu ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân. Do vậy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm về ma túy.

Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh cho thấy bị cáo không có tài sản gì, bị cáo phạm tội không mang tính chất vụ lợi và là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về nguồn gốc ma túy: Quá trình điều tra bị cáo khai nhận nguồn gốc số ma túy bị cáo mua của một người đàn ông tại khu vực nghĩa trang thuộc xóm G, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ người này, nếu gặp mặt cũng không nhận dạng được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N không đủ căn cứ để điều tra, xác minh.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng mang BKS: 35K1 - 460.49 mà bị cáo C sử dụng đi mua ma túy ngày 08/8/2025, quá trình điều tra xác định được xe thuộc sở hữu của anh Trần Văn T, sinh năm 1996, trú tại xóm A, xã P, tỉnh Ninh Bình (là em trai C). Anh T không biết việc C mượn xe để đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe trên cho anh T. Anh T đã nhận lại xe mô tô là phù hợp.

Đối với 01 phong bì niêm phong số: 424/KL-KTHS; trên mặt phong bì có ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ: Trần Văn C, SN 1985, xảy ra ngày 08/8/2025, tại xã Q, tỉnh Ninh Bình”. Mẫu vật hoàn trả gồm: M = 0,1186 gam là ma túy, loại Heroine (H); toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong”; 01 phong bì niêm phong ký hiệu “B”, bên trong phong bì gồm có: 01 (một) vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “QT”; 02 (hai) mảnh giấy màu trắng có chữ in màu đen”; 01 (một) ví da hình chữ nhật, màu nâu, kích thước (12x19,5)cm. Đây là số vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 căn cước công dân số 037085007898 mang tên Trần Văn C do Cục C3 về TTXH, Bộ C4 cấp ngày 25/4/2021 là giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho bị cáo Trần Văn C.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo C là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng

hình sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UB

TVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, ngày 08 tháng 8 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số: 424/KL-KTHS; trên mặt phong bì có ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định vụ: Trần Văn C, SN 1985, xảy ra ngày 08/8/2025, tại xã Q, tỉnh Ninh Bình”. Mẫu vật hoàn trả gồm: M = 0,1186 gam là ma túy, loại Heroine (H); toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong”; 01 phong bì niêm phong ký hiệu “B”, bên trong phong bì gồm có: 01 (một) vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “QT”; 02 (hai) mảnh giấy màu trắng có chữ in màu đen”; 01 (một) ví da hình chữ nhật, màu nâu, kích thước (12x19,5)cm là vật chứng của vụ án.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 01 căn cước công dân số 037085007898 mang tên Trần Văn C do Cục C3 về TTXH, Bộ C4 cấp ngày 25/4/2021, là giấy tờ tùy thân của bị cáo.

Vật chứng có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N với Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS. CA tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung.